

## TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI VỚI THỨC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM<sup>1</sup>

**TS. Nguyễn Thị Tám**  
Viện Dân tộc học

**Tóm tắt:** Vấn đề bình đẳng giới trong các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS), giữa các nhóm DTTS với dân tộc Kinh ở Việt Nam đến nay vẫn còn khoảng cách đáng kể và tồn tại không chỉ trong giao tiếp, ứng xử mà còn ở các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội. Vì thế, bình đẳng giới là một trong những lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ hàng đầu của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (INGOs) tại Việt Nam thời gian qua. Bài viết đề cập đến vai trò của INGOs trong thúc đẩy bình đẳng giới của các DTTS về quyền, vị thế xã hội, vai trò của phụ nữ DTTS trong phát triển kinh tế, giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Qua đánh giá những thành tựu, hạn chế, tác giả nêu ra một số khuyến nghị giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của INGOs trong thực hiện các dự án liên quan đến bình đẳng giới tại vùng DTTS và miền núi nước ta thời gian tới.

**Từ khóa:** Tổ chức phi chính phủ nước ngoài, bình đẳng giới, dân tộc thiểu số, Việt Nam.

**Abstract:** Gender inequality amongst ethnic minority groups, between ethnic minority groups and the Kinh people and exists noticeably in Vietnam. Many aspects of social life - such as communication, behaviors, and other aspects of socio-economic life- display gender inequality. Therefore, gender equality, which has been one of the top priorities of international non-government organizations (INGOs), needs to be tackled by funding current projects in Vietnam. This article discusses the roles of INGOs in promoting gender equality in rights, social status, women's roles in economic development, education, and health care for ethnic minority groups. By assessing achievements and shortcomings of INGOs in Vietnam, the author presents some recommendations and solutions to improve the effectiveness of INGOs in implementing projects related to gender inequality among ethnic minority and mountainous regions in Vietnam in the near future.

**Keywords:** International non-government organization, gender inequality, ethnic minority groups, Vietnam.

Ngày nhận bài: 22/6/2020; ngày gửi phản biện: 5/7/2020; ngày duyệt đăng: 27/7/2020

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả của đề tài cấp Nhà nước “Đánh giá hiệu quả, tác động của chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ năm 1990 đến nay”, Mã số: CTD.T.40.18/16-20 do Ủy ban Dân tộc quản lý, Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trần Minh Hằng làm Chủ nhiệm.

## Mở đầu

Sự tham gia tích cực của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (INGOs) ở lĩnh vực bình đẳng giới thời gian qua tại các quốc gia trên thế giới là nhân tố rất quan trọng đối với hoạt động của Ủy ban về Vị thế của Phụ nữ (CSW). Ủy ban này gồm 45 quốc gia thành viên, gặp gỡ hàng năm tại New York (Mỹ) để đánh giá những tiến bộ về bình đẳng giới, chỉ ra những thách thức, thiết lập các tiêu chuẩn toàn cầu, đề xuất chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao quyền cho phụ nữ toàn thế giới. INGOs có ảnh hưởng rất lớn trong việc định hình khung chính sách toàn cầu về việc tăng quyền cho phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng giới, tạo áp lực với các nhà lãnh đạo quốc tế và quốc gia chịu trách nhiệm thực hiện những cam kết mà họ đã đưa ra trong khuôn khổ hành động (Lê Thị Thúy Hương, 2013, tr. 19).

Ở Việt Nam, có rất nhiều đóng góp của INGOs trên tất cả các cấp, từ việc góp ý cho soạn thảo luật đến phương pháp tiếp cận cộng đồng nhằm đảm bảo công bằng giới, giảm thiểu bạo lực gia đình. Song, mới chỉ có 56,4% INGOs hoạt động trong lĩnh vực bình đẳng giới và quyền phụ nữ hài lòng với kết quả công việc (iSEE, 2010, tr. 23-24). Điều này chứng tỏ những thay đổi xã hội về niềm tin, văn hóa sẽ khó hơn nhiều so với những thay đổi về kinh tế hoặc dịch vụ công. Tại các cộng đồng người DTTS, phụ nữ và trẻ em gái thường là những đối tượng thiệt thòi về khả năng tiếp cận các cơ hội, nguồn lực, sự đại diện. Các vấn đề liên quan đến giới ở vùng DTTS chưa được phân tích một cách hệ thống do số liệu chưa tách biệt giới và chưa được thu thập đầy đủ. Điều này gây cản trở cho việc xây dựng, thực hiện, giám sát các chính sách, chương trình phát triển vùng DTTS và miền núi một cách có trách nhiệm về vấn đề liên quan đến giới. Hạn chế trong tiếp cận các dịch vụ xã hội đối với trẻ em gái DTTS không những ảnh hưởng đến quyền lợi của họ mà còn hạn chế tiếp cận với những cơ hội phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Xuất phát từ thực tế đó, bình đẳng giới luôn là một trong những lĩnh vực ưu tiên hàng đầu của INGOs tại Việt Nam.

Trong bài viết này, chúng tôi thu thập các số liệu thống kê và thông tin liên quan đến các chương trình, dự án quốc tế về bình đẳng giới thực hiện ở vùng DTTS và miền núi. Song, nguồn tư liệu chủ yếu của bài viết được dựa trên kết quả cứu thực địa tại các tỉnh Vĩnh Phúc, Lào Cai, Ninh Thuận... trong năm 2018 và 2019 để đánh giá vai trò của INGOs trong thúc đẩy bình đẳng giới ở vùng DTTS và miền núi.

### 1. Đôi nét về bất bình đẳng giới ở vùng DTTS và miền núi Việt Nam

Trong khi Việt Nam đang gặt hái được những thành tựu đáng kể về tăng trưởng kinh tế những thập kỷ đầu Đổi mới, thì nhóm phụ nữ DTTS hầu như chưa được hưởng lợi công bằng từ những thành tựu đó. Họ nằm trong nhóm nghèo nhất về kinh tế, ít được tham gia bình đẳng vào các cơ hội kinh tế - xã hội và bị hạn chế tiếng nói trong các quyết định ảnh hưởng tới chính họ (Đình Quý Độ, 2012, tr. 61). Theo thống kê, vùng DTTS và miền núi nước ta là địa bàn cư trú chủ yếu của 53 DTTS với 13,38 triệu người, chiếm 14,52% dân số cả nước, trong số đó, nam giới là 6,72 triệu người, chiếm 50,2%; nữ là 6,66 triệu người, chiếm 49,8% (Vũ

Minh Huệ, 2020). Kết quả nghiên cứu cho thấy, khoảng cách giới trong các nhóm DTTS và giữa các nhóm DTTS với dân tộc Kinh còn lớn và tồn tại dai dẳng ở nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, trong đó phụ nữ DTTS là nhóm bị thiệt thòi và dễ bị tổn thương.

i) *Quyền và vị thế của phụ nữ DTTS*: khả năng tham gia của nữ giới vào việc quyết định những vấn đề liên quan đến sản xuất và tái sản xuất như tài sản gia đình, đầu tư vào sản xuất, số con sinh và sự tham gia của họ vào những quyết định trong xã hội chính là thể hiện vị thế của họ. Thực tế này có thể xuất phát từ những khó khăn về kinh tế trong gia đình, quan niệm con gái không cần đi học, hay những khó khăn về cơ sở vật chất khác. Dù cho lý do là gì thì hạn chế về khả năng sử dụng tiếng Việt cũng ảnh hưởng đến tiếng nói của họ cả trong gia đình và ngoài xã hội. Bên cạnh đó, tỷ lệ phụ nữ DTTS tham chính ở 4 cấp trong tổ chức Đảng, Quốc hội, Hội đồng nhân dân, chính quyền khá thấp. Đây cũng là một nguyên nhân gây nên tình trạng bất bình đẳng giới nói chung và bất bình đẳng ở phụ nữ DTTS nói riêng. Thống kê cho thấy, nữ cán bộ, công chức là người DTTS chỉ chiếm 23,79% tổng số cán bộ, công chức các xã vùng DTTS. Điều đáng quan tâm, ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội càng thấp và càng đông đồng bào DTTS sinh sống thì tỷ lệ nữ trong tổng số cán bộ, công chức là người DTTS càng thấp (Ủy ban Văn hóa Giáo dục Thanh thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, 2019).

ii) *Trong lĩnh vực kinh tế*: phụ nữ DTTS ít được tiếp cận với công việc làm công hưởng lương, có 83,81% việc làm của lao động nữ DTTS là tự làm trong lĩnh vực nông nghiệp, so với tỷ lệ tương ứng của nam DTTS là 79,16% và dân tộc Kinh là 40,72%; tỷ lệ phụ nữ DTTS làm công việc chuyên môn kỹ thuật rất thấp, khoảng 6%, bằng 1/3 so với dân tộc Kinh. Họ ít tham gia vào quá trình xây dựng, triển khai, giám sát, đánh giá các chính sách, chương trình, dự án liên quan đến người DTTS. Điều đó dẫn tới việc phụ nữ DTTS thường xuyên phải lao động cực nhọc nhưng không được trả công. Chỉ có khoảng 26% phụ nữ DTTS đứng tên sở hữu đất đai và tài sản, trong khi phụ nữ Kinh là 56% (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2019). Sự phân công lao động theo xu hướng gắn với những đặc điểm giới và quan niệm về giới gây bất lợi cho phụ nữ, dẫn đến phụ nữ thường yếu thế hơn trong vai trò ra quyết định.

iii) *Trong lĩnh vực giáo dục*: tiếp cận giáo dục của trẻ em vùng DTTS còn nhiều khó khăn, nhất là trẻ em gái. Tỷ lệ biết chữ, trình độ học vấn của phụ nữ DTTS lớn tuổi thấp hơn nhiều so với phụ nữ nhóm người Kinh và Hoa: 26,56% phụ nữ DTTS không biết đọc, biết viết (tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái biết đọc, biết viết chữ phổ thông thấp ở dân tộc Lự: 23,22%, La Hủ: 25,1%...); chỉ có 33% nữ sinh DTTS đi học phổ thông trung học đúng độ tuổi; 7,2% lao động nữ DTTS được đào tạo chuyên môn kỹ thuật (Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2019). So với dân tộc Kinh, tỷ lệ lao động DTTS làm công việc chuyên môn kỹ thuật rất thấp. Có tới 12/53 DTTS có tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo dưới 2% như: Xtiêng 0,81% (nam 0,83%, nữ 0,78%), Mảng 0,89% (nam 1,35%, nữ 0,45%), Brâu 1,06% (nam 2,03%, nữ 0,16%) (Tổng cục Thống kê, Điều tra thực trạng kinh tế-xã hội 53 DTTS năm 2015).

iv) Trong công tác chăm sóc sức khỏe: thống kê cho thấy, 25 dân tộc có phụ nữ sinh con tại nhà chiếm tới 50%, thậm chí có dân tộc đến 90% phụ nữ sinh con tại nhà. Tỷ lệ tử vong bà mẹ ở một số nhóm DTTS (Hmông, Thái, Ba Na, Tày, Dao, Nùng) cao gấp 4 lần so với phụ nữ Kinh và Hoa; chỉ có 70,9% phụ nữ DTTS từ 12 - 29 tuổi mang thai có đến cơ sở y tế khám thai. Bạo lực trên cơ sở giới cũng là một vấn đề nổi cộm. Bạo lực trong gia đình DTTS xảy ra khá phổ biến, đặc biệt ở gia đình những dân tộc phụ hệ. Theo nghiên cứu, bạo lực tinh thần đối với phụ nữ DTTS do người chồng gây ra là 48,8%, cao gấp 1,7 lần so với tỷ lệ chung của cả nước (Trung tâm nghiên cứu về gia đình và giới, 2019).

Từ thực tế trên, nếu chúng ta không có những giải pháp kịp thời thì khoảng cách đối với phụ nữ DTTS sẽ ngày càng lớn khi họ đang bị hạn chế bởi rất nhiều rào cản đã ăn sâu, bám rễ trong sự bất bình đẳng về cơ hội phát triển. Nghèo về kinh tế, ít cơ hội tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản đang là những rào cản dẫn tới việc phụ nữ DTTS bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển (Nguyễn Thị Thanh Tâm, 2005; Đoàn Kim Thắng, 2007). Những năm gần đây, sự hỗ trợ của INGOs trong lĩnh vực bình đẳng giới đã góp phần quan trọng giúp nâng cao hơn nữa vai trò và quyền năng của phụ nữ DTTS, giúp không ít phụ nữ vùng DTTS có tiếng nói và vị thế hơn trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

## **2. Sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài qua các dự án trong bình đẳng giới đối với các dân tộc thiểu số ở Việt Nam**

### **2.1. Các dự án nâng quyền và vị thế của phụ nữ**

INGOs đóng vai trò đi đầu trong việc thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, trong đó có bạo hành gia đình. Trong lĩnh vực *công bằng về giới*, các chương trình có đóng góp lớn cho việc nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, chính sách, pháp luật liên quan; hỗ trợ phụ nữ DTTS tiếp cận các dịch vụ pháp lý chính thức và không chính thức. Trong lĩnh vực *phòng chống bạo lực trên cơ sở giới*, INGOs tập trung nâng cao nhận thức cho phụ nữ DTTS; cung cấp dịch vụ (y tế, tư vấn pháp lý và xã hội, đào tạo nghề...) và thông tin; giáo dục nâng cao nhận thức và hành động để giảm thiểu hành vi lạm dụng chất cồn, thay đổi cách nhìn truyền thống về thói quen rượu bia của nam giới người DTTS (Lê Thị Thúy Hương, 2013, tr. 66).

Một trong những hoạt động được nhiều INGOs thực hiện là nâng cao năng lực cho đối tác về bình đẳng giới cũng như lồng ghép giới vào các chương trình phát triển cụ thể. Bên cạnh những quy định rõ về tỷ lệ người hưởng lợi phải là phụ nữ DTTS, INGOs còn chú ý đến việc thay đổi cán cân quyền lực hoặc giải quyết các nguyên nhân của bất bình đẳng giới, bạo lực gia đình. Vì vậy, ngoài việc nâng cao vị thế của phụ nữ, INGOs cũng đã chú trọng đến vai trò của nam giới, hướng họ quan tâm bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình.

Tổ chức CARE đã triển khai dự án *Nâng quyền cho Phụ nữ DTTS (EMWE)* giai đoạn 2013 - 2017 tại hai tỉnh Điện Biên và Bắc Kạn nhằm nỗ lực nâng quyền của phụ nữ DTTS vùng sâu vùng xa để họ chủ động tham gia vào quá trình ra quyết định và lập kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội. Dự án đã hỗ trợ 1.720 phụ nữ DTTS vùng này tìm hiểu về các quyền của mình và tiếp cận vốn vay phục vụ sản xuất, gia tăng thu nhập thông qua việc thành lập mới 41 nhóm tiết kiệm tín dụng thôn bản và củng cố 30 tổ nhóm của phụ nữ. Giới thiệu với chính quyền các cấp mô hình về đối thoại giữa cộng đồng DTTS, khiến họ sẵn sàng lắng nghe các mối quan tâm và quan ngại của phụ nữ DTTS. Bên cạnh đó, dự án đã hoàn thành phân tích giới có sự tham gia để xác định vai trò, trách nhiệm của phụ nữ và nam giới, chuẩn mực mang tính định kiến giới và làm việc với các cộng đồng để lập kế hoạch hành động nhằm xóa bỏ các định kiến này (CARE, 2017).

Năm 2018, tổ chức CARE cùng Viện Phát triển sức khỏe cộng đồng Ánh sáng (LIGHT) đồng triển khai với sự hỗ trợ của Trung tâm Phát triển cộng đồng tỉnh Điện Biên (CCD) Dự án *Nâng cao nhận thức và tiếng nói của cộng đồng dân tộc miền núi phía Bắc trong ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới* tại 4 xã thuộc huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018 - 2021. Đây là lần đầu tiên tại Điện Biên có một dự án tập trung giảm thiểu vấn đề bạo lực giới trong cộng đồng người DTTS nhằm thúc đẩy bình đẳng giới. Qua dự án, Giám đốc Tổ chức CARE quốc tế tại Việt Nam cho rằng, bạo lực giới là vấn đề như “tàng băng chìm” ở Việt Nam. Đây không phải là vấn đề của riêng nhóm thiểu số, mà là của nhiều nhóm và tầng lớp trong xã hội. Tất nhiên, phụ nữ DTTS gặp những rào cản và thách thức đặc thù so với phụ nữ đa số, chẳng hạn như hạn chế về khả năng giao tiếp bằng tiếng phổ thông và việc đi lại, nên họ càng khó tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ khi bị bạo lực. Khảo sát vào tháng 7/2018 của CARE với 329 nữ giới và 101 nam giới tại 4 xã Mường Phăng, Pa Khoang, Thanh Nưa và Hua Thanh của huyện Điện Biên cho thấy, trong 12 tháng (từ tháng 12/2018 trở về trước), có hơn ba phần tư (77,5%) phụ nữ từng chịu ít nhất một dạng bạo lực. Số người từng bị bạo lực tinh thần lần lượt là 66,6%, 35% và 32% tương ứng với các hành vi chửi mắng, đe dọa, kiểm soát đi lại. Kết quả khảo sát về định kiến giới ảnh hưởng đến hành vi ứng xử của phụ nữ và nam giới đã phân nào lý giải về hành vi bạo hành của nam giới cũng như những phản ứng khi bị bạo hành của phụ nữ: 46,5% nam giới được khảo sát cho rằng mắng chửi không phải là bạo hành; hơn 40% phụ nữ đồng ý với quan niệm khi bị đánh họ cần nín nhịn để giữ hạnh phúc gia đình. Thậm chí một nửa số phụ nữ tham gia khảo sát cho rằng có thể tha thứ cho hành vi bạo hành vợ của những ông chồng (Ủy ban Dân tộc, 2018).

Trong đời sống xã hội của các DTTS, việc giao tiếp thường xuyên đã tạo cho nam giới những lợi thế mà phụ nữ ít có được. Thông tin từ những cuộc hội họp của xã, các buổi tập huấn, giao tiếp với xã hội bên ngoài giúp đàn ông có thông tin hơn và củng cố quyền lực của họ đối với tài sản gia đình. Người phụ nữ nhận thức được tầm quan trọng của thông tin do đàn ông thu thập từ những cuộc họp và các mối quan hệ bên ngoài, nên họ thường dựa vào ý kiến của người chồng để lựa chọn những chiến lược sinh kế tối ưu nhất. Trong một xã hội coi trọng tiếng nói của nam giới nhiều hơn, thì việc phụ nữ tham gia vào các cuộc hội họp và giao tiếp xã hội không phải lúc nào cũng được hoan nghênh. Khi có tác động của các dự án hỗ trợ từ INGOs, những cuộc họp của dự án giúp tăng quyền cho phụ nữ DTTS bằng cách

“lôi kéo họ ra khỏi nhà”. Phụ nữ tăng cường có mặt của mình ở cộng đồng, nâng cao tiếng nói và khẳng định mình như những thành viên tích cực. Phụ nữ thường xuyên tham dự cuộc họp của Hội Phụ nữ để thu nhận những thông tin thời sự ở địa phương để củng cố kỹ năng sinh kế. Quan trọng hơn, họ ngày càng nhận ra giá trị của sự tham gia để có được hiểu biết và cất tiếng nói của mình. Mục đích những cuộc họp là giúp tăng cường hạnh phúc của phụ nữ qua việc tạo thời gian nghỉ ngơi và giao tiếp xã hội, những việc mà trước đây phụ nữ ít khi có điều kiện thực hiện. Những phụ nữ tham gia dự án thổ cẩm dân tộc ở Tà Phìn của *Chương trình phát triển miền núi Việt Nam* cho rằng, họ rất thích tham gia các cuộc họp, vì chỉ có phụ nữ với nhau họ thấy thoải mái hơn, khi họp họ có thể cười và học cùng một lúc. Dù là một lợi ích gián tiếp, nhưng nó có một tác động tích cực đến cuộc sống tình cảm của họ và giúp họ cảm thấy hạnh phúc (Nguyễn Thị Thanh Tâm, 2006).

## **2.2. Các dự án nâng cao năng lực phát triển kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số**

Khả năng tiếp cận thị trường giúp phụ nữ DTTS đóng góp vào kinh tế hộ gia đình, có tác động tích cực đến việc nâng cao vị thế của họ trong gia đình và xã hội. Thực tế này đang dần thay đổi nếp nghĩ về phụ nữ. Về một phương diện nào đó có thể thấy, vị thế của phụ nữ DTTS có sự liên hệ mật thiết với mức độ phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng, khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản và tiếp cận thị trường ở từng địa phương cụ thể.

Thời gian qua, việc phát triển du lịch và hoạt động thương mại ở vùng sâu vùng xa, vùng biên giới đã tạo ra những cơ hội phát triển kinh tế cho cả nam và nữ DTTS. Ở huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, phụ nữ các dân tộc Dao, Hmông tham gia vào hoạt động kinh tế du lịch đang ngày càng thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước. Những phụ nữ các dân tộc này đã có nguồn thu nhập cho gia đình từ việc bán hàng thổ cẩm và hướng dẫn viên cho khách du lịch. Song, cái chính là phụ nữ và các em gái đã mở mang sự giao tiếp xã hội rộng hơn với các nhóm xã hội khác nhau thông qua bán hàng. Ngoài ra, ở một số địa phương, phụ nữ DTTS cũng tham gia nhiều hơn vào các dự án như “*Dự án thổ cẩm của phụ nữ Hmông ở Hà Giang*”, “*Dự án thuốc lá*” của tổ chức SIDA tài trợ tại Sa Pa. Những cơ hội phát triển kinh tế này không những giúp phụ nữ có thêm thu nhập, mà còn giúp họ có điều kiện học thêm kỹ năng tính toán, tiếp cận các thông tin có thể giúp cho gia đình có nguồn thu nhập tốt hơn. Qua đó họ trở nên tự tin và năng động hơn, bình đẳng hơn với chồng do có sự độc lập về kinh tế (Nguyễn Thị Thanh Tâm, 2006, tr. 48). Mặt khác, việc phụ nữ DTTS đóng góp thu nhập bằng tiền cho gia đình cũng bắt đầu thay đổi cách nhìn nhận về vai trò của họ. Cũng ở Sa Pa, người đàn ông Hmông, Dao, Giáy đã tham gia phụ giúp cho người vợ bằng việc thu lượm sản phẩm cho vợ bán. Ngoài ra, người đàn ông đã bắt đầu chia sẻ trách nhiệm gia đình và bàn bạc trong các quyết định với vợ nhiều hơn (Oxfam, Actionaid, iSEE, Caritas, 2010, tr. 20).

Tại tỉnh Ninh Thuận, chúng tôi đã khảo sát kết quả Dự án “*Nâng cao vai trò phụ nữ trong phát triển kinh tế và nông nghiệp tại Việt Nam*”. Dự án này nằm trong khuôn khổ Chương trình FLOW do Chính phủ Hà Lan tài trợ, trị giá 6,6 triệu Euro, được triển khai tại 4 tỉnh: Quảng Bình, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020. Qua thực địa

tại xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận cho thấy, năm 2019, ở các lớp tập huấn kỹ năng sản xuất, điều hành, xúc tiến thương mại, hỗ trợ đầu tư mua sắm máy móc, dự án đã triển khai xây dựng thành công các chuỗi giá trị sản xuất cho doanh nghiệp, HTX do phụ nữ lãnh đạo hoặc có nhiều lao động nữ. Từ các hoạt động hỗ trợ của dự án, nhiều mô hình điển hình do phụ nữ người Chăm lãnh đạo hoặc tham gia đã phát triển lớn mạnh, xây dựng được thương hiệu về sản xuất nông sản như: HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Tuấn Tú (trồng măng tây), HTX Nho Evergreen Ninh Thuận,... Với sự hỗ trợ của dự án, đến nay các cơ sở sản xuất, kinh doanh do nữ làm chủ đã đi vào hoạt động tốt, kết nối được thị trường, tiêu thụ sản phẩm ổn định. Riêng những phụ nữ điều kiện kinh tế khó khăn nhưng có khát vọng vươn lên trong cuộc sống, Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) tỉnh đã huy động nguồn vốn hỗ trợ các chị em làm kinh tế. Từ nguồn vốn “Quỹ hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp”, Hội LHPN các cấp đã cho thành viên của Hội vay vốn không lãi suất để phát triển sản xuất, kinh doanh, từ đó tăng thu nhập cho phụ nữ thông qua hỗ trợ các HTX, doanh nghiệp phát triển ổn định.

Dự án “*Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch*” (GREAT) do Chính phủ Australia tài trợ với tổng kinh phí 33,7 triệu USD trong giai đoạn 2017 - 2021 tại hai tỉnh Sơn La, Lào Cai đã áp dụng cách tiếp cận phát triển hệ thống thị trường để loại các rào cản hạn chế sự tham gia của phụ nữ DTTS nghèo vào thị trường. Việc trao quyền kinh tế cho phụ nữ sẽ giúp họ vừa tăng năng lực kinh tế, vừa có khả năng ra quyết định và thực hiện quyết định về kinh tế ở cấp hộ gia đình, cộng đồng,... Đầu năm 2019, dự án đã ký hợp tác với 46 đối tác, các HTX địa phương đã được kết nối với hệ thống phân phối sản phẩm siêu thị BigC. Gần 6.000 phụ nữ DTTS được trang bị kiến thức, kỹ năng mới về nông nghiệp, chế biến, du lịch và kinh doanh. Cũng trong năm 2019, dự án đã tổ chức sự kiện tại Hà Nội: “*Từ bản làng đến thị trường: Nâng quyền cho Phụ nữ DTTS*”, với mục tiêu chia sẻ các kết quả ban đầu về hoạt động nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ, tạo cơ hội cho các nhóm DTTS đang tham gia dự án của GREAT giới thiệu những sản phẩm của họ tại khu trưng bày các gian hàng. Dự án đã đào tạo một số phụ nữ trở thành lãnh đạo những dự án nhỏ, điển hình như chị T.T.M., người Dao Đỏ, xã Tả Phìn, huyện Sa Pa trở thành giám đốc của HTX cộng đồng Dao Đỏ với hoạt động “*biên tri thức truyền thống thành cơ hội kinh doanh*”. Các kiến thức, kinh nghiệm gia truyền về cây thuốc, thuốc tắm của người Dao cũng được chị nhiệt tình chia sẻ thông qua những hoạt động đào tạo, nâng cao kỹ năng. Thấu hiểu và đồng cảm với chị em phụ nữ DTTS phải chịu nhiều thiệt thòi, chị thường xuyên tổ chức các buổi chia sẻ về bình đẳng giới tới các hộ gia đình với mong muốn cải thiện vị thế của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng, giúp họ có thêm tự tin. Thông qua mở rộng diện tích trồng cây thuốc tắm và danh mục hàng hóa, dự án giúp tăng thu nhập cho 165 phụ nữ và tạo việc làm cho 70 người khác (Phạm Duy, 2019).

### **2.3. Các dự án về hỗ trợ giáo dục và đào tạo**

Các dự án hỗ trợ của INGOs về giáo dục ở các DTTS rất đa dạng, gồm xây dựng cơ sở vật chất, trang bị dụng cụ học tập đến nâng cao năng lực cho giáo viên, đổi mới phương pháp

dạy học cũng như huy động sự tham gia của cha mẹ, xã hội vào việc nâng cao chất lượng và tỷ lệ học sinh đến trường. Bên cạnh đó, nhiều tổ chức còn có những hoạt động sinh kế nhằm bỏ rào cản kinh tế hạn chế trẻ em nghèo, đặc biệt là trẻ em gái đến trường (iSEE, 2010, tr. 21-22). Các dự án cũng khuyến khích phụ nữ tham gia tập huấn kỹ thuật, nhất là những tiến bộ mới (giống cây trồng, vật nuôi...) đã được khảo nghiệm, đem lại năng suất lao động cao.

Giáo dục chữ viết cho phụ nữ DTTS được một số dự án ưu tiên vì mù chữ ở các vùng DTTS là một trong những yếu tố hạn chế tiếng nói và khả năng cải thiện sinh kế, tiếp cận các dịch vụ xã hội của phụ nữ. INGOs đã đầu tư xóa mù cho phụ nữ DTTS ở độ tuổi 25 - 40 để cải thiện bình đẳng giới. Theo INGOs, ở nhóm đối tượng này, các chương trình dạy chữ cần thiết thực, kết hợp phát triển kinh tế và học chữ, để thu hút phụ nữ tham gia. Khảo sát tại Vĩnh Phúc vào tháng 12/2018 về *Dự án xóa mù chữ và dạy nghề cho phụ nữ, trẻ em gái người DTTS* được thực hiện bởi UNIPI của Liên hợp quốc cho thấy, đây là một trong những dự án hỗ trợ giáo dục và đào tạo, đặt ra mục tiêu có tính thực hành cao và bao trùm nữ giới tại cộng đồng DTTS. Tuy thời gian chưa dài và khoản tài chính không lớn nhưng được triển khai bài bản, phù hợp và có hiệu quả thông qua giám sát của cán bộ dự án. Cụ thể, dự án đã triển khai từ năm 1999 đến tháng 4/2000 rồi duy trì đến 2005 với tổng kinh phí 57.620.000 đồng, với mục tiêu là xóa mù chữ, dạy nghề cho phụ nữ, trẻ em gái dân tộc Sán Dìu ở hai xã Bò Lý và Đạo Trù, huyện Tam Đảo. Dự án đã thành lập Trung tâm xóa mù chữ và dạy nghề để xóa mù chữ cho phụ nữ và trẻ em gái DTTS từ 15 đến 35 tuổi. Giai đoạn 1999 - 2005, Trung tâm đã mở 3 khóa tập huấn mỗi khóa 2 lớp, với khoảng 300 học viên. Ở giai đoạn này, ngoài cơ sở vật chất, Trung tâm được cấp vốn cho chăn nuôi để duy trì dự án và đã tạo ra lợi nhuận 17.659.000 đồng cho việc mở tiếp 2 khóa học nữa với khoảng 200 học viên. Sau hơn 10 năm hoạt động, phụ nữ và trẻ em gái người Sán Dìu từ không biết đọc, biết viết đã biết đọc, biết viết, biết tính toán, với trên 40 người được xóa mù chữ tương đương lớp 4. Nhiều học viên được học nghề may, kỹ thuật làm nầm, trồng dưa hấu, nuôi cá, nuôi gà, nuôi bò và được nâng cao kiến thức sản xuất thông qua đọc sách ở Thư viện của Trung tâm. Có trên 10 hộ được hỗ trợ vốn của Trung tâm để nuôi bò, nuôi cá, nuôi gà thả vườn thu được nguồn lợi khá, có nhiều hộ gia đình đến nay vẫn phát triển thành những mô hình làm kinh tế giỏi. Dự án đã đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và dạy nghề cho đối tượng đặc thù là phụ nữ và trẻ em gái DTTS, giúp họ thay đổi căn bản kiến thức, tư duy và tạo điều kiện cơ bản nâng cao đời sống và thu nhập.

#### **2.4. Hỗ trợ trong chăm sóc sức khỏe**

Ở phụ nữ DTTS, tình trạng kết hôn sớm, gánh vác công việc nội trợ, chăm sóc gia đình, sinh con dày nhưng lại không được nghỉ ngơi đầy đủ khiến họ bị mỏi mệt, suy nhược cơ thể, sinh bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe. Nạn tảo hôn phổ biến kéo dài, tuổi sinh sản của người phụ nữ DTTS đóng góp vào số con trung bình của phụ nữ DTTS ở độ tuổi 15 - 49, cao hơn so với mức con trung bình của người Kinh. Đó chính là một trong những lý do vì sao nhiều phụ nữ DTTS sức khỏe yếu và suy dinh dưỡng, thiếu máu. Việc sinh con đông,

thiếu sự trợ giúp của nhân viên y tế có chuyên môn có thể giúp lý giải tỷ lệ tử vong ở mẹ và con ở các DTTS cao hơn so với người Kinh, và tỷ lệ nạo thai cao trong khi đó tỷ lệ sử dụng BPKHHGD thấp (Humphrey và Vu Thu Hien, 2008, tr. 37).

Những năm đầu thế kỷ XX, lĩnh vực chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em thu hút sự quan tâm hỗ trợ của một số INGOs như EED, Save The Children, Atlantic Philanthropy, Childfun..., với những dự án về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh ở vùng DTTS khó khăn. Dự án “*Phát triển trẻ thơ toàn diện*” của EED triển khai tại các huyện Bắc Hà và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai (1999 - 2002) hỗ trợ kiến thức và kỹ năng chăm sóc trẻ em người DTTS, chăm sóc sức khỏe sinh sản và nâng cao nhận thức cho phụ nữ DTTS đang độ tuổi sinh sản (Lê Văn Sơn, 2005, tr. 59). Dự án này đã mở các khóa tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn về quản lý trẻ bệnh lồng ghép, theo dõi sức khỏe bà mẹ mang thai và trẻ em, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ, kỹ năng đỡ đẻ, tư vấn trước và sau sinh,... Ngoài ra, dự án còn tăng cường năng lực chuyên môn cho các cộng tác viên dinh dưỡng, bà đỡ dân gian tại thôn bản. Sự hỗ trợ của dự án đã góp phần tạo ra những thay đổi về y tế, tỷ lệ người dân đến khám chữa bệnh tại cơ sở y tế tăng lên, số ca tử vong do không được chữa trị kịp thời giảm, phụ nữ trong độ tuổi sinh sản đã được chuẩn bị về kỹ năng chăm sóc trẻ sơ sinh. Những người hưởng lợi bởi dự án khá hài lòng với những hỗ trợ về y tế mà INGOs đã hỗ trợ cho địa phương, trong đó lý do chính là phù hợp với nhu cầu của người dân, tạo ra sự thay đổi trong thôn bản và nâng cao hiểu biết cho người hưởng lợi (Lê Văn Sơn, 2005, tr. 119).

### **3. Một số thành tựu, hạn chế và khuyến nghị giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới đối với các dự án của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài**

#### **3.1. Thành tựu**

Hoạt động của INGOs trong lĩnh vực bình đẳng giới có tác động tốt đến nhiều mặt đời sống kinh tế - xã hội ở vùng DTTS và miền núi, do các chương trình, dự án tập trung chủ yếu vào xây dựng năng lực địa phương để giải quyết vấn đề trao quyền cho các nhóm có nguy cơ cao về nghèo đói, nạn nhân của bạo lực giới. Các dự án của INGOs đã giúp phụ nữ DTTS nâng cao năng lực để thành công và làm giàu từ phát triển kinh tế; có quyền đưa ra và thực hiện các quyết định về kinh tế ở mọi cấp. Qua các dự án, nhận thức về khởi nghiệp của phụ nữ được nâng lên, nhân rộng các mô hình sản xuất, chăn nuôi... đem lại hiệu quả thiết thực, nâng cao vai trò phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ gia đình, góp phần xây dựng nông thôn mới ở miền núi. Một số mô hình kinh tế do phụ nữ lãnh đạo đã cải thiện vị thế của họ trong gia đình và cộng đồng, giúp họ tự tin trong giao tiếp xã hội. Thành quả những dự án do INGOs tài trợ không những giúp người dân mà còn hỗ trợ chính quyền địa phương trong nâng cao năng lực về kiến thức phòng tránh bạo lực giới. Khi được tham gia các hoạt động dự án của INGOs tại cộng đồng, phụ nữ DTTS đã từng bước gạt bỏ những mặc cảm bị bạo lực, lên tiếng về tình trạng của mình, tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến giới.

Nhìn lại, hơn hai thập niên INGOs chính thức được hoạt động tại Việt Nam (1996), các dự án của tổ chức này đã triển khai tại 24 tỉnh ở miền núi, trong đó đa số các dự án liên quan đến bình đẳng giới là lồng ghép (đa hợp phần), quy mô nhỏ ở cấp cộng đồng. Song, các dự án của INGOs hầu hết có tính can thiệp, giám sát chặt chẽ bởi các đơn vị, tổ chức tài trợ và thực hiện, nhất là tính minh bạch, sự giải trình cao, vì vậy phù hợp với các địa bàn DTTS và miền núi. Điều này góp phần tăng cường tiếng nói của phụ nữ DTTS trong việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, thúc đẩy các diễn đàn tạo lực hút sự tham gia cũng như ra quyết định của phụ nữ trong cộng đồng, làm cho phụ nữ tự tin hơn khi đưa ra các kiến nghị với chính quyền địa phương về những vấn đề liên quan đến chính sách, giúp họ có tiếng nói ý nghĩa hơn trong đời sống gia đình. Sự tham gia của phụ nữ các DTTS trong những dự án INGOs cũng tạo sự kết nối giữa họ với hoạt động thị trường. Cụ thể, các đơn vị do phụ nữ xây dựng từ dự án đã bán sản phẩm tạo ra từ các mô hình cộng đồng. Một số tổ hợp tác của phụ nữ hiện có tại địa phương được củng cố để trở thành mô hình nâng quyền cho phụ nữ và được công nhận bởi Hội Liên hiệp Phụ nữ (HLHPN) Việt Nam. Các thành viên tổ nhóm phụ nữ tham gia học tập về luật pháp và chính sách từ dự án INGOs hỗ trợ có ảnh hưởng tới họ, xây dựng các quỹ tiết kiệm và vay vốn tín dụng để tăng thu nhập; học hỏi thêm các kỹ năng tài chính, kỹ năng truyền thông liên lạc. Thông qua các hoạt động phân tích và lập kế hoạch cộng đồng, dự án hỗ trợ các thay đổi quan trọng trong thái độ của nam giới, của cộng đồng và chính quyền địa phương trong việc nâng quyền của phụ nữ DTTS tại các tỉnh khác nhau.

### 3.2. Hạn chế

Sự hỗ trợ từ các dự án của INGOs đã mang lại những thay đổi đáng kể về bình đẳng giới ở vùng DTTS và miền núi nước ta. Song, một số dự án như du lịch cộng đồng cũng hạn chế nhất định: khi lao động nam và nữ DTTS tham gia vào các hoạt động kinh tế tại những đơn vị du lịch ngoài cộng đồng thì sự tham gia của họ đối với hoạt động văn hóa truyền thống mỗi khi diễn ra tại cộng đồng bị hạn chế. Ngoài ra, việc người DTTS, đặc biệt phụ nữ ở vùng biên giới tiếp cận nhiều hơn với những cơ hội bên ngoài cũng tiềm ẩn rủi ro, đe dọa sự phát triển bền vững trong chăm sóc gia đình, sức khỏe, an toàn cho bản thân,... Tại Lai Châu, cơ hội của người Thái Đen làm thuê ở Lào nhờ thương mại phát triển đã tăng rủi ro nhiễm 37 ca HIV bởi những thay đổi nhận thức về hành vi tình dục chưa theo kịp những thay đổi kinh tế - xã hội để họ có thể tự vệ (UNAIDs, UNICEF DRCC, 2000). Nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em cũng đe dọa phụ nữ và trẻ em gái DTTS ở vùng biên giới và xâm phạm tình dục đang là vấn đề nổi cộm (Oxfam, Actionaid, iSEE, Caritas, 2010, tr. 37).

Những chương trình dạy nghề của các dự án cho vùng DTTS còn hạn chế về số lượng đào tạo, sự phù hợp cho địa phương, khả năng tiếp cận của nam, nữ thanh niên DTTS. Người nghèo và phụ nữ ở vùng sâu vùng xa khó theo học các khóa dạy nghề theo cơ chế hiện hành, vì khi tham gia học họ phải bỏ công việc gia đình, làm ảnh hưởng tới nguồn thu nhập của họ. Một số ngành nghề đào tạo chưa phù hợp với thực tiễn thị trường lao động ở địa phương.

Khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình, nhiều nhà tài trợ sẽ cắt giảm ngân sách tài trợ vào Việt Nam, đây sẽ là một thách thức cho các INGOs khi duy trì nguồn lực tài trợ. Hơn nữa, vốn đầu tư của INGOs không lớn, dàn trải cho nhiều địa phương, và việc xây dựng các mô hình triển khai thường theo một mẫu chung. Trong khi, điều kiện địa lý mỗi địa phương không giống nhau, các DTTS có những đặc điểm văn hóa tuy có nét tương đồng nhưng cũng có nhiều nét khác biệt, do vậy mô hình có thể thành công ở địa phương này, dân tộc này nhưng lại ít hiệu quả ở nơi khác, dân tộc khác (Vương Xuân Tình, 2020, tr. 13).

### **3.3. Khuyến nghị giải pháp**

Từ nhận diện về mặt được và hạn chế của các dự án INGOs thực hiện tại vùng DTTS vừa qua, để thu hút thêm nhiều dự án và tăng hiệu quả hoạt động của INGOs trong thúc đẩy bình đẳng giới ở các DTTS thời gian tới, chúng tôi đề xuất các khuyến nghị giải pháp sau:

*Một là*, Chính phủ và chính quyền địa phương cấp tỉnh miền núi và vùng DTTS cần xây dựng môi trường pháp lý phù hợp, giám sát minh bạch, tạo thuận lợi cho hoạt động viện trợ của INGOs đến cộng đồng hưởng lợi là phụ nữ, các nhóm yếu thế DTTS. Song, cần nâng cao tính chủ động của các địa phương và người dân trong quan hệ với INGOs nhất là vùng đặc biệt khó khăn, vùng theo tôn giáo, vùng biên giới nơi mà phụ nữ, trẻ em còn hạn chế giao tiếp và ít thông thạo tiếng Việt. Trong quá trình tiếp nhận thực hiện dự án tại địa phương, các tổ chức HLHPN các cấp cần thường xuyên theo dõi, học hỏi kinh nghiệm về tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới để nâng cao trình độ chuyên môn. Đồng thời, các địa phương cần chú trọng nâng cao vai trò của phụ nữ DTTS trong tiếp cận, giám sát và đối thoại với chính quyền, với INGOs nhằm nâng cao nhận thức về việc triển khai dự án, qua đó để họ nắm bắt được các vấn đề liên quan dự án và quyền lợi của họ.

*Hai là*, để hỗ trợ cho vùng DTTS và miền núi có hiệu quả hơn trong lĩnh vực bình đẳng giới, INGOs cần xây dựng các dự án phù hợp với nhu cầu của người dân và định hướng ưu tiên phát triển của địa phương, nhân rộng và phát huy mô hình hợp tác 3 bên: chính quyền địa phương - INGOs - phụ nữ DTTS một cách năng động hơn nữa.

*Ba là*, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp cần phải lồng ghép nội dung “bình đẳng giới”. Bởi như đã phân tích ở trên, hiện tại phụ nữ DTTS vẫn bị hạn chế tiếp cận các chương trình vay vốn, tạo việc làm để phát triển kinh tế hộ gia đình trong bối cảnh kinh tế thị trường. Chúng tôi cho rằng, không thể hy vọng sự thay đổi vị thế của phụ nữ DTTS nếu không có những biện pháp tích cực để tăng cường sự tham gia của nhóm xã hội này vào các chương trình phát triển hiện nay ở vùng DTTS và miền núi.

*Bốn là*, việc thành lập thêm nhiều tổ nhóm phát triển kinh tế có thể giúp phụ nữ học tiếng Việt, tăng cường khả năng tính toán, phát huy tiềm năng của mình, tạo ra một vị thế và tiếng nói có ý nghĩa trong đời sống xã hội. Vì vậy, INGOs cần đặc biệt quan tâm hơn nữa tới việc phát triển dựa vào những thế mạnh của phụ nữ DTTS tại cộng đồng, kết hợp với sự chia

sẽ của nam giới trong các hoạt động ở gia đình và ngoài xã hội về các vấn đề kinh tế kết hợp hài hòa với chăm sóc sức khỏe, nuôi dạy con trẻ.

### **Kết luận**

Hoạt động của INGOs về thúc đẩy bình đẳng giới ở các DTTS Việt Nam hơn 20 năm qua trên cơ sở thực hiện các dự án nhỏ cho thấy, đã bám sát được các định hướng chính sách dân tộc về phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương vùng DTTS và miền núi nước ta. Những dự án của INGOs tuy quy mô nhỏ nhưng kết hợp đa thành phần, đã mang lại nhiều lợi ích, làm thay đổi tích cực về vai trò, vị thế của phụ nữ DTTS trong đời sống kinh tế - xã hội, góp phần tăng cường năng lực các cơ quan đối tác địa phương. Song, ngoài những thành tựu đạt được, các dự án của INGOs thời gian qua vẫn rất cần thay đổi cách làm, hướng đi cho phù hợp hơn với những biến đổi nhanh chóng ở vùng DTTS và miền núi. Về tương lai, những nghiên cứu kết hợp với hợp phần can thiệp của các dự án tại cộng đồng cần quan tâm hơn nữa đến sự tác động của văn hóa tộc người tới những nhóm dễ bị tổn thương trong các DTTS. Nguồn tư liệu hiện có mới chỉ đề cập tới phụ nữ DTTS chung, chưa thể hiện sự bất bình đẳng đối với phụ nữ DTTS thuộc các tầng lớp khác nhau trong cộng đồng như: phụ nữ không gia đình, góa phụ, đơn thân,... Vì vậy, kiến thức về những khó khăn của nhóm đối tượng này ở các DTTS sẽ là thông tin quan trọng khi xây dựng chính sách xóa đói giảm nghèo cho hiệu quả hơn đối với các nhóm dễ bị tổn thương trong nữ giới.

Một đánh giá sâu rộng hơn về bất bình đẳng giới ở DTTS trong các lĩnh vực sẽ giúp xác định những vấn đề chiến lược có thể giúp cải thiện mức sống của các dân tộc nói chung, của phụ nữ DTTS nói riêng. Để góp phần giải quyết những vấn đề đang đặt ra hiện nay ở vùng DTTS và miền núi, như ứng phó với biến đổi khí hậu, xóa đói giảm nghèo, xóa bỏ tình trạng hôn nhân cận huyết thống, bạo lực gia đình..., các dự án INGOs cần có sự chuyển đổi tích cực trong hỗ trợ sâu rộng tại các vùng miền cả về nâng cao năng lực và thực hành cũng như tư vấn, hỗ trợ pháp lý theo những mô hình phát triển cộng đồng.

### **Tài liệu tham khảo**

1. CARE (2017), Báo cáo kết quả *Dự án Nâng quyền cho Phụ nữ DTTS (EMWE)*, trên trang <https://www.care.org.vn> (truy cập ngày 22/4/2020).
2. Phạm Duy (2019), “Nâng quyền cho phụ nữ DTTS”, trên trang <https://thoibaokinhdanhn.vn/> (truy cập ngày 22/5/2020).
3. Đinh Quý Độ (Chủ biên, 2012), *Các tổ chức phi chính phủ quốc tế: vấn đề nổi bật, xu hướng cơ bản và tác động chủ yếu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Oxfam, Actionaid, iSEE, Caritas (2010), *Báo cáo hiện trạng bất bình đẳng giới trong cộng đồng người dân tộc thiểu số*.
5. iSEE (2010), *Báo cáo kết quả nghiên cứu Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các tổ chức phi chính phủ quốc tế trong năm năm qua và định hướng tương lai*.

6. Humphrey, Rowena and Vu Thu Hien (2008), *The Underlying Causes of Ethnic Minority Poverty in Northern Mountainous Vietnam*, The IDL Group and CARE, Hanoi.
7. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2019), Báo cáo tham luận tại Hội thảo “*Thách thức và giải pháp để phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau*”, ngày 12/8/2019.
8. Vũ Minh Huệ (2020), *Một số giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới cho phụ nữ dân tộc thiểu số*, trên trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/> (truy cập ngày 30/5/2020).
9. Lê Thị Thúy Hương (2013), *Tổ chức phi chính phủ nước ngoài và vấn đề bảo đảm quyền con người ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Lê Văn Sơn (2005), *Vai trò của các tổ chức phi chính phủ trong việc hỗ trợ kỹ thuật, tăng cường năng lực cho người dân và đối tác địa phương miền núi phía Bắc*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Thanh Tâm (2005), *Thu nhập việc làm và địa vị của phụ nữ dân tộc thiểu số trong quá trình phát triển kinh tế thị trường - những phân tích qua lăng kính giới*. Hội Phụ nữ Hà Lan và Viện Gia đình và Giới, Hà Nội.
12. Nguyễn Thị Thanh Tâm (2006), “*Một số nét về bình đẳng giới ở các dân tộc thiểu số (Qua khảo sát một số địa bàn tại Sa Pa)*”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 2, tr. 41-49.
13. Đoàn Kim Thắng (2007), “*Sức khỏe sinh sản của phụ nữ dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa*”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 3, tr. 45-47.
14. Tổng cục Thống kê (2015), *Điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 Dân tộc thiểu số năm 2015*.
15. Trung tâm Nghiên cứu về Gia đình và Giới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2019), Báo cáo tham luận tại Hội thảo “*Thách thức và giải pháp để phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau*”, ngày 12/8/2019.
16. UNAIDS, UNICEF and DRCC (2000), *Sexual perception and behavior of Vietnam's Ethnic Minority Groups: H'mong, Dzao, Thai, and Kh'mer group in Lao Cai, Lai Chau and Kien Giang Provinces*, Hanoi.
17. Ủy ban Dân tộc (2018), *Dự án mới nhằm giảm bạo lực giới trong cộng đồng DTTS*, trên trang <http://www.cema.gov.vn/> (truy cập ngày 1/5/2020).
18. Ủy ban Văn hóa Giáo dục Thanh thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội (2019), Báo cáo tham luận tại Hội thảo “*Thách thức và giải pháp để phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau*”, ngày 12/8/2019.